

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/DS-ST
Ngày 20-3-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Vĩnh;

Ông Trần Công Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1960 (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Ngô Tiến D**, sinh năm: 1967 (có mặt) và bà **Nguyễn Thị H (Nguyễn Thúy H1)**, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **Ấp D, xã K, huyện U tỉnh C.**

(Bà **Nguyễn Thúy H1** có giấy ủy quyền cho ông **Ngô Tiến D**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Trần Văn Đ** trình bày: Do có làm ăn chung nên giữa vợ chồng ông với ông **D** có mượn tiền qua lại để làm ăn. Vợ chồng ông **D** có mượn của ông số tiền 200.000.000 đồng, có làm biên nhận vào tháng 8 năm 2021 âm lịch, sau đó ông có yêu cầu ông **D** trả tiền thì ông **D** không trả nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **D** trả lại cho ông số tiền đã mượn 200.000.000 đồng và trả 01 lần không đồng ý trả hàng tháng.

- Tại biên bản hòa giải ngày 05/02/2024 và tại phiên tòa, bị đơn ông **Ngô Tiến D** trình bày: Vợ chồng ông có vay tiền của ông **Đồng thời g** vay cũng dài nên sau đó thỏa thuận không tính lãi nên vợ chồng ông và ông **D** làm biên nhận thiếu lại số

tiền 200.000.000 đồng. Vợ chồng ông với ông **D** có thoả thuận trả dần từng tháng và đã trả được 1 tháng bằng 5.000.000 đồng, sau đó do chậm trễ trong việc trả tiền cho ông **D** nên ông **D** mới kiện ông. Đối với yêu cầu của ông **D** thì ông thừa nhận có vay tiền của ông **D** và đã tính lãi xác định còn thiếu số tiền tổng cộng 200.000.000 đồng, trừ số tiền mà ông đã trả 5.000.000 đồng thì ông còn thiếu lại ông **D** là 195.000.000 đồng việc trả tiền chỉ tự trả với nhau không làm biên nhận, ông đồng ý trả tiền cho ông **D** và yêu cầu được trả hàng tháng do điều kiện của ông hiện nay khó khăn, không thể trả được 1 lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của ông **Trần Văn D** đòi ông **Ngô Tiến D** và bà **Nguyễn Thị H** trả lại tiền vay tranh chấp được xác định là tranh chấp dân sự về việc vay tài sản và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự..

[2] Về nội dung: Xét thấy, đối với yêu cầu của ông **D** thì ông **D** thừa nhận vợ chồng có vay tiền của ông **D** và có làm biên nhận còn thiếu số tiền 200.000.000 đồng nên ông **D** yêu cầu khởi kiện là có căn cứ chấp nhận. Ông **D** cho rằng đã trả được 5.000.000 đồng có làm biên nhận đưa cho ông **Đồng g1**, ông **D** không thừa nhận có nhận trả 5.000.000 đồng, ông **D** không có tài liệu gì thể hiện đã trả 5.000.000 đồng như lời trình bày nên không có căn cứ xác định đã trả được 5.000.000 đồng. Về phương thức trả nợ các đương sự không thống nhất được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **D**, buộc ông **Ngô Tiến D** và bà **Nguyễn Thị H** (**Nguyễn Thúy H1**) có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **Trần Văn D** số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự có giá ngạch ông **Ngô Tiến D** và bà **Nguyễn Thị H** phải chịu là 200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng. Yêu cầu của ông **D** được chấp nhận nên không phải chịu án phí, tạm ứng án đã nộp được hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 144, **khoản 1 Điều 147**, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; **Các Điều 463, 466, 468** Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn Đ** đối với ông **Ngô Tiến D** và bà **Nguyễn Thị H (Nguyễn Thúy H1)** về việc đòi lại tiền. Buộc ông **Ngô Tiến D** và bà **Nguyễn Thị H (Nguyễn Thúy H1)** trả cho ông **Trần Văn Đ** số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông **Ngô Tiến D** và bà **Nguyễn Thị H (Nguyễn Thúy H1)** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Hoàn trả cho ông **Trần Văn Đ** tạm ứng án phí đã nộp số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006143 ngày 02/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh C.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng